

CHA BENEDICT THUẬN ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐOÀN CỦA NGÀI TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

*Gioan Thánh Giá Lê Văn Đoàn, VPHT Hội Dòng Xitô Thánh Gia
16 tháng 2 năm 2017*

Trong thời gian chuẩn bị khóa tĩnh huấn về chủ đề "Đồng hành để theo Chúa Kitô", tôi đã nhận được đề xuất từ Cha Tổng Phụ về việc trình bày chủ đề: "Cha Biển Đức Thuận đồng hành cùng cộng đoàn của ngài trong văn hóa Việt Nam". Vì đây là một chủ đề thú vị, tôi đã vui vẻ chấp nhận đề xuất này. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến Cha Tổng Phụ.

Tuy nhiên, do sự rộng lớn của chủ đề, tôi xin phép giới hạn nghiên cứu của mình vào việc phân tích kinh nghiệm thực tế của cha tổ phụ chúng ta trong việc giúp đỡ các tu sĩ của ngài trong việc đồng hành với cộng đoàn của ngài.

1. CÁC TIẾP CẬN CƠ BẢN

Để có thể đồng hành với một người hoặc một cộng đoàn sống trong một nền văn hóa khác biệt, điều quan trọng là phải thực hiện thông qua các tiếp cận sâu sắc. Nếu không, đó chỉ là những tiếp xúc hời hợt không mang lại kết quả đáng kể nào.

Trong trường hợp của Cha Biển Đức Thuận, tôi khám phá ở ngài bốn cách tiếp cận hoặc bốn bước của cùng một cách tiếp cận, bắt đầu bằng ngôn ngữ, sau đó là phong tục, tiếp theo là con người cụ thể, và cuối cùng là linh hồn của dân tộc.

A. NGÔN NGỮ

Đây là bước đầu tiên. Học ngôn ngữ là chìa khóa mở ra các mối tiếp xúc và sự hiểu biết lẫn nhau.

Trong "Monita ad Missionarios" (Những lời khuyên cho các nhà truyền giáo), Đức cha Pallu và Đức cha Lambert de la Motte, những vị đại diện tông tòa đầu tiên ở Viễn Đông, đã đưa ra những hướng dẫn cần thiết cho các nhà truyền giáo mới trong việc thực hiện sứ mạng của họ. Các ngài viết: "Chúa chúng ta không sai các Tông đồ đi rao giảng khắp thế giới mà không ban cho họ trước hết ơn nói tiếng lạ" (Cv 2, 4). Điều này rõ ràng cho thấy sứ mạng rao giảng kéo theo sự cần thiết phải học ngôn ngữ, vì Thiên Chúa, trong sự khôn ngoan của Ngài, đã muốn đức tin được lan truyền thông qua việc rao giảng. Thật vậy, "đức tin đến từ lời rao giảng, và lời rao giảng là Lời của Thiên Chúa" (Rm 10, 17).

Sau khi nói về sự cần thiết của việc sử dụng ngôn ngữ địa phương để truyền giáo, hai giám mục kết luận: "Vậy, nhà truyền giáo sẽ không mệt mỏi áp dụng vào công việc này chừng nào còn cần thiết. Và ngài sẽ không quên rằng ngài không thể chỉ nhắm đến việc học ngôn ngữ bác học và văn chương đến mức bỏ qua ngôn ngữ bình dân đang được sử dụng trong dân chúng; ngài phải làm cho không chỉ các học giả mà cả những người không biết chữ cũng hiểu được".

Chính với nhận thức này mà Cha Biển Đức Thuận đã học ngay đêm ngôn ngữ này. Ở Việt Nam, ba ngôn ngữ viết cùng tồn tại: Hán (chữ Hán), Nôm (là một hệ thống chuyển tự tiếng Việt bằng cách sử dụng các chữ Hán đơn giản hoặc kết hợp với nhau để ghi âm một từ tiếng Việt hoặc kết hợp nghĩa và âm của một từ tiếng Việt). Nhờ kiến thức về ngôn ngữ của người bản xứ mà cha có thể tiếp xúc với người Việt để họ hiểu nhau.

B. PHONG TỤC

Cách tiếp cận thứ hai là hiểu các phong tục của người bản xứ và sống như họ. Trong trường hợp của Cha Biển Đức Thuận, đó là môi trường Việt Nam. Phong tục có hai mặt: văn hóa và lối sống.

Trước hết, đó là văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa dân gian, ở một mức độ nào đó thể hiện linh hồn của dân tộc. Ngài đã dịch từ tiếng Nôm sang tiếng Pháp hai tác phẩm thơ là "Trê Cóc" và "Lục Súc Tranh Công". Khi dịch, ngài giải thích các tục ngữ và phong tục. Cần phải có một trình độ kiến thức nhất định để làm được điều này.

Tiếp theo, đó là sự quan tâm đến lối sống của người Việt Nam. Vào thời Cha Biển Đức Thuận sống, đa số người Việt Nam là nông dân. Thiên nhiên, các mối quan hệ trong gia đình, các hoạt động của làng quê, đều được thể hiện trong văn hóa và lối sống hàng ngày. Cha Biển Đức Thuận sử dụng các phương tiện của người Việt Nam và đánh giá chúng với sự tôn trọng. Đây là một thái độ hoàn toàn khác với những người muốn văn minh hóa người bản xứ.

Những người đó coi người bản xứ là man rợ và muốn áp đặt một nền văn minh châu Âu lên họ. Cha Biển Đức Thuận tôn trọng các giá trị của những phong tục tốt đẹp của người Việt Nam.

Ngài nhấn mạnh cuộc sống nghèo khó, đơn giản nhưng mạnh mẽ của tình yêu gia đình. Tất cả những điều này tạo nền tảng để xây dựng đời sống tu viện và thực hiện sự đồng hành hữu ích.

C. CON NGƯỜI CỤ THỂ

Cách tiếp cận thứ ba là gặp gỡ mọi người. Khi ở Tiểu chủng viện An-ninh cũng như tại giáo xứ Nước Mặn, Cha Biển Đức Thuận đã tìm mọi cách để gặp gỡ đàn ông và phụ nữ, không chỉ giới hạn mình trong phòng riêng. Ngài gặp những người đến thăm ngài, hoặc tự mình đến gặp họ. Nhờ những cuộc tiếp xúc này, ngài hiểu được cuộc sống, gánh nặng, lo âu, thậm chí cả những vấn đề của họ. Qua sự hiểu biết này, ngài có một cái nhìn thực tế, đầy tình yêu và lòng trắc ẩn, và biết cách giúp đỡ họ một cách hiệu quả bằng cách xác định các ưu tiên của chính họ.

Việc thành lập tu viện Đức Bà An-nam là kết quả của việc khám phá linh hồn của những người mà cha đã nhìn thấy sâu thẳm. Cha đã nhận ra những dấu hiệu ẩn sâu trong linh hồn họ.

D. LINH HỒN CỦA DÂN TỘC

Bước thứ tư là đi vào tinh thần của dân tộc và thẩm nhuần linh hồn của người Việt Nam. Đó là về tôn giáo và nhu cầu tâm linh. Vượt ra ngoài những điều mê tín và huyền bí, đó là khát vọng sống mối quan hệ với Thiên Chúa hoặc các linh hồn. Đó là một khát khao vĩnh cửu về Tuyệt Đối.

Cha Biển Đức Thuận đã khám phá chiều sâu linh hồn của người Việt Nam. Mặc dù ngài kiên định với việc truyền giáo, nhưng cha đã mở ra cho họ một định hướng là đời sống tu viện dành cho việc chiêm niệm. Ngài trân trọng khát vọng sâu thẳm trong linh hồn người Việt. Ngược lại, các bề trên châu Âu, khi từ chối lời mời thành lập một tu viện trên đất Việt Nam, đã đánh giá thấp người Việt và có cái nhìn tiêu cực về thiện chí của họ, cho rằng họ không thích hợp với đời sống đan viện và không có khả năng thực hiện các yêu cầu của lối sống này. Và chính họ cũng nhận thức được những khó khăn của khí hậu các nước nhiệt đới đã ngăn cản họ theo đuổi ơn gọi tu viện này.

Những tiếp xúc bên ngoài đã giúp Cha Biển Đức Thuận khám phá linh hồn sống động của những người mà ngài đã gặp gỡ. Đó là một cuộc gặp gỡ chân thật không định kiến. Nhờ những cuộc gặp gỡ này mà ngài đã tìm kiếm và tìm thấy những phương tiện và cách thức để đáp ứng khát khao sâu thẳm của họ. Ngài đồng hành cùng họ trên con đường tìm kiếm Thiên Chúa. Mặc dù gặp nhiều vấn đề, Cha vẫn luôn có cái nhìn tích cực đối với những người sống trong cộng đoàn, về đời sống tu viện còn rất mới mẻ đối với họ.

2. TỔ CHỨC MỘT LỐI SỐNG

Là người khởi xướng đời sống tu viện cho người Việt Nam, Cha Biển Đức Thuận mong

muốn nền tảng này thấm đẫm đời sống của người Việt, không chỉ về mặt văn hóa mà còn về mặt tâm linh và Tin Mừng.

A. MỘT TU VIỆN ĐẶC TRUNG VIỆT NAM

Đây là điều quý giá nhất đối với Cha Biển Đức Thuận. Tôi xin trích dẫn một vài đoạn trong các lá thư ngài gửi cho Cha Tổng Phụ.

"Cha Đáng Kính,

Con vội vàng gửi Cha một lá thư xin gia nhập mới, có chữ ký của Đức cha Đại diện Tông tòa Huế. [...]

Con phải thú nhận với Cha đáng kính, rằng khi Cha cho chúng con gia nhập, đó là một Dòng tu thuần túy An Nam mà Cha đang sáp nhập vào Dòng."

Nhấn mạnh việc tu viện – và sau này là Dòng – là của Việt Nam, Đấng sáng lập đã làm nổi bật đặc điểm của lối sống tu viện tại Phước Sơn.

Sự nhấn mạnh này một lần nữa được nhắc lại sau khi Cha Biển Đức Thuận qua đời, khi cộng đoàn Phước Sơn muốn sáp nhập vào Dòng Xitô. Cha Bernard Mendiboure và Hội Đồng đã viết thư ngày 20 tháng 7 năm 1934 cho Cha Tổng Phụ để nhắc lại yêu cầu sáp nhập do Đấng sáng lập đã khởi xướng. Cuối thư, một vài từ đã được nhấn mạnh.

Chúng tôi rất vinh dự được gia nhập gia đình Xitô, nhưng, nếu để trở thành một phần của nó, chúng tôi phải mất đi bản sắc riêng của mình, chúng tôi xin từ bỏ vinh dự này... Nhắc lại một câu nói lịch sử "Sint ut sunt aut non sint" (Hãy là chính mình hoặc không là gì cả), Đấng Sáng Lập đáng kính của chúng tôi đã nói trước khi qua đời; chúng tôi coi đó là một di sản thiêng liêng; chúng tôi muốn tiếp tục sống trên cùng một con đường với cùng một lý tưởng như trước đây. Nếu phải thay đổi về điểm này để thuộc về Xitô, chúng tôi thả từ bỏ. Chúng tôi sinh ra như vậy và chúng tôi muốn giữ nguyên bản sắc của mình."

Tất cả những câu hỏi này tóm tắt nỗi ưu tư của các tu sĩ Phước Sơn về việc giữ gìn bản sắc riêng của họ. Tuy nhiên, bản sắc này – mà họ đã nhìn nhận và sống một cách tự nhiên theo nghĩa là lối sống tu viện này bắt nguồn từ tâm lý Việt Nam và phù hợp với trình độ của họ – lại trở thành một vấn đề trong mắt những người đến từ một tu viện châu Âu và nhận được sự đào tạo tu viện của họ ở những quốc gia đó.

B. BẦU KHÔNG KHÍ CỦA ĐỜI SỐNG CHIÊM NIỆM

Mối quan tâm của Cha Biển Đức Thuận là thành lập một tu viện mà đời sống hoàn toàn dành cho chiêm niệm. Như tôi đã nói ở trên, mặc dù gắn bó với các hoạt động truyền giáo và mong muốn cải đạo những người không tin, ngài đã chọn một con đường khác. Đó là một đời sống ẩn dật. Trong các hướng dẫn thiêng liêng, ngài luôn nhấn mạnh đến đời sống huyền nhiệm của các tu sĩ. Ngài khẳng định rằng đời sống tu viện không được nhiều người hiểu.

Bầu không khí chiêm niệm mà ngài muốn tạo ra trong tu viện là câu trả lời cho linh hồn của người Việt Nam. Ngài chắc chắn đã khám phá ra khát vọng sâu thẳm trong người Việt – như tôi đã nói ở trên – và đó là đặc trưng của đời sống tu trì mà ngài muốn truyền lại cho họ.

Chính ngài đã trung thành sống đời ẩn dật. Ngài đồng hành cùng các huynh đệ và toàn thể cộng đoàn trong việc thực hiện định hướng này. Đó là một sự đồng hành sâu sắc.

C. TÌNH YÊU GIA ĐÌNH

Một điểm độc đáo khác mà Cha Biển Đức Thuận đã khám phá ở người Việt Nam và áp dụng vào đời sống tu viện là tình yêu gia đình. Đối với người Việt Nam, tình yêu gia đình là linh hồn của gia đình và là biểu hiện của mọi tiếp xúc. Cần loại bỏ những khía cạnh tiêu cực như tính thần cục bộ, chủ nghĩa gia trưởng, nhưng tình yêu gia đình vẫn là phẩm chất của một sự tồn tại tốt đẹp và hạnh phúc.

Tình yêu gia đình mà Cha Biển Đức Thuận đã thực hiện trong tu viện mang một đặc tính đặc biệt: tất cả đều là anh em và chỉ có một hạng tu sĩ (không phân biệt ca sĩ và qui sĩ). Đây là

một con đường hoàn toàn mới mẻ và một bước đột phá, ngay cả trước Công đồng Vatican II. Cũng chính vì điều này mà Dòng Xitô Cải Cách đã từ chối yêu cầu sáp nhập Phước Sơn. Vẻ đẹp của tình yêu gia đình cần được gìn giữ và sống một cách cụ thể cho ngày hôm nay trong Dòng và trong mỗi cộng đoàn. Nhờ đó mà chúng ta, những người có trách nhiệm và đào tạo, có thể đồng hành cùng các anh chị em của mình.

D. HỒN TÔNG ĐỒ

Cần phải nhận thức rằng đời sống tu viện phải được linh hồn tông đồ thúc đẩy. Hơn nữa, trong trường hợp của Cha Biển Đức Thuận và nền tảng của ngài, hồn tông đồ này được thể hiện rõ ràng. Ngài muốn tu viện và toàn bộ đời sống tu sĩ là một sự đóng góp hiệu quả, thực tế và kín đáo cho việc truyền giáo của Giáo hội. Trong Hiến pháp do ngài biên soạn, có ghi một cách trang trọng rằng mục đích thứ hai của tu viện là để cải đạo những người không tin thông qua lời cầu nguyện và hy sinh. Các hoạt động hàng ngày với các buổi kinh nguyện đều hướng tới mục đích này.

Đây chính là đặc tính văn hóa của Công giáo tại Việt Nam. Thật vậy, lòng nhiệt thành mong muốn những người đồng bào không Công giáo biết và thờ phượng Chúa chúng ta và gia nhập Giáo hội là một đặc tính riêng, là một đặc tính văn hóa của người Công giáo. Đáng sáng lập của chúng tôi, Cha Biển Đức Thuận, vào thời của ngài, đã thể hiện rõ ràng đặc tính này trong đời sống tu viện. Còn chúng ta, những người có trách nhiệm và đào tạo, chúng ta phải hướng các anh chị em được đồng hành tới một mục đích lớn hơn sự cứu rỗi cá nhân. Đó là mối quan tâm đến sự cứu rỗi của người khác.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Sau khi gặp gỡ những người cụ thể để khám phá những nhu cầu sâu xa của họ, Cha Biển Đức Thuận đã thành lập một tu viện để họ có thể theo đuổi ơn gọi tu viện. Ngài đã chịu nhiều gian khổ cho việc thành lập này. Ngài đã phải chờ đợi chín năm để có thể thử sống ơn gọi tu viện của mình, và hầu hết các nhà truyền giáo cũng như giáo sĩ Việt Nam đã không ủng hộ ngài, vì họ coi việc thành lập này là một sự xa xỉ trong một vùng đất truyền giáo. Nhưng Cha Benedict Thuận đã hiểu con đường đã chọn và tin chắc vào nó. Khi các môn đệ đến với ngài, ngài đã đồng hành cùng họ với tất cả nhiệt huyết của mình. Cộng đoàn non trẻ lớn mạnh từng ngày. Tôi khám phá bốn cách mà ngài sử dụng để đồng hành cùng cộng đoàn của mình.

A. HIỆN DIỆN VUI TƯƠI

Cha Biển Đức Thuận là một nhà khổ hạnh. Khía cạnh khổ hạnh rất rõ nét trong cuộc đời ngài, từ khi ngài có mặt ở Việt Nam và đặc biệt là trong tu viện Đức Bà Phước Sơn. Khía cạnh khổ hạnh này thể hiện rõ nét trong địa lý khắc nghiệt và căn cỗi, trong khí hậu khắc nghiệt, trong bữa ăn quá đạm bạc, và trong cơ sở vật chất sơ sài. Nhưng, chính nơi đây – tu viện Đức Bà An Nam – lại là một không gian quyền rũ hơn những nơi khác. Tại sao?

Trong các hướng dẫn thiêng liêng, Cha Biển Đức Thuận mô tả một cách đơn giản "hạnh phúc" của tu sĩ: sống với Chúa, trò chuyện với Ngài, nói với Ngài như một người cha. Trong các lá thư của mình, Đáng sáng lập đã nhiều lần viết rằng ngài yêu nơi hoang vắng này, tu viện và cộng đoàn của mình. Chính bằng tình yêu này mà ngài luôn hiện diện bên các anh em. Nếu vì trách nhiệm của bề trên mà ngài phải rời đi, ngài cảm thấy buồn vì vắng mặt cộng đoàn và tìm cách trở về tu viện sớm nhất có thể. Khi ngài hiện diện giữa các anh em, ngài làm điều đó với tất cả niềm vui của mình, một niềm vui sâu sắc và thực tế của một linh hồn được nuôi dưỡng bằng chiêm niệm. Tất cả các anh em đã sống với ngài đều làm chứng. Ngài nghiêm túc nhưng đồng thời vui vẻ và hạnh phúc. Phải chăng đây là một trong những cách hiệu quả để có thể đồng hành cùng anh em, cộng đoàn: hiện diện với niềm vui? Tại sao là niềm vui? Bởi vì đó là sự hài lòng của cuộc sống, đối với anh em, bất chấp những vấn đề. Đó cũng là sự hiện diện vui tươi của một cuộc sống thấm nhuần Tin Mừng. Khi chúng ta muốn

hiện diện ở một nơi nào đó, chúng ta đánh giá cao rằng nơi đó mang một giá trị. Theo tôi, chúng ta cần suy nghĩ về cách này, nếu chúng ta muốn đồng hành cùng các anh chị em của mình.

B. NHỮNG LỜI GIẢNG HUẤN BỒ ÍCH

Để đồng hành cùng cộng đoàn của mình, Cha Biển Đức Thuận đã dành nhiều thời gian và sức lực để nuôi dưỡng các tu sĩ bằng những giáo huấn thiêng liêng. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Thánh Biển Đức đòi hỏi nơi vị bề trên.

Cha Biển Đức Thuận mỗi ngày hai lần giảng huấn thiêng liêng để hướng dẫn cộng đoàn, làm phong phú cho các tu sĩ bằng kiến thức và kinh nghiệm về đời sống thiêng liêng và tu viện. Những giáo huấn thiêng liêng mà các tu sĩ ghi nhớ đã trở thành nguồn nuôi dưỡng cho họ. Những giáo huấn thiêng liêng mà Cha Biển Đức Thuận đã trao đổi với cộng đoàn không theo một hệ thống hóa nào, mà chỉ để đáp ứng những nhu cầu cụ thể phát sinh từ các tình huống khác nhau.

Điều tôi muốn đề cập ở đây, liên quan đến văn hóa và môi trường. Cha Biển Đức Thuận rất nhạy cảm với môi trường sống và tinh tế trong lời nói và hành động. Ngài biết rõ mình đang đối thoại với ai. Vì vậy, ngài sử dụng ngôn ngữ phù hợp với trình độ của người đối thoại, của các tu sĩ, để giúp họ tiến bước trên hành trình thiêng liêng. Điều này chạm đến vấn đề phân định.

Chắc chắn Cha Biển Đức Thuận đã đọc rất nhiều các Giáo Phụ Xitô, vì bề trên tu viện Đức Bà Hải Đăng, tại Hakodate, Nhật Bản, đã cung cấp cho ngài nhiều sách thiêng liêng. Như chúng ta biết, các Linh Phụ Xitô đã sử dụng ngôn ngữ tình yêu – ngôn ngữ của văn hóa châu Âu – để diễn tả tình yêu giữa Hôn Phu và Hôn Thê, giữa Đức Kitô và linh hồn. Những hình ảnh được sử dụng có thể gây sốc cho người Việt sống trong một nền văn hóa khác. Vì vậy, khi giảng dạy cộng đoàn, Cha Biển Đức Thuận đã khéo léo thể hiện mối quan hệ yêu thương giữa linh hồn với Đức Kitô bằng những hình ảnh gần gũi với đời sống hàng ngày. Điều này thu hút sự quan tâm của người nghe. Ngài có khả năng nắm bắt những yếu tố thiết yếu của văn hóa Việt Nam, môi trường sống và trình độ của thánh giả. Thật vậy, để tạo sự quan tâm cho người khác, cần phải có gì và biết cách xây dựng tòa nhà thiêng liêng của họ. Ngài không chỉ đơn thuần chuyển giao di sản của Giáo hội, của Dòng vào mảnh đất Việt Nam.

Đây là một yêu cầu đối với chúng ta. Để thực hiện điều này, chắc chắn chúng ta cần đầu tư nhiều nỗ lực và suy tư, cũng như sự sáng tạo và chủ động.

C. NHỮNG TẤM GƯƠNG SỐNG ĐỘNG

Còn một cách khác để đồng hành hiệu quả cùng các anh em, đó là phục vụ, không chỉ những gì liên quan đến sứ vụ của bề trên hay người huấn luyện, mà còn những gì liên quan đến bốn phận của một tu sĩ, tức là lòng trung thành với ơn gọi tu viện và các hoạt động của tu viện. Cha Biển Đức Thuận thường xuyên nói về việc tuân giữ Luật dòng, được thực hiện với tình yêu và sự chân thành. Ở đây không phải là chủ nghĩa pháp lý, mà là sự trung thành của chính đời sống tu viện.

Chính khi tuân giữ Luật dòng mà ngài có thể hiểu các huynh đệ và vấn đề của họ để ngài có thể đồng hành cùng họ.

Ngoài ra, công việc phục vụ mà ngài đã thực hiện trong mười lăm năm tại tu viện là dọn dẹp nhà vệ sinh. Đó là một tấm gương lớn cho toàn thể cộng đoàn. Chúng ta có thể hình dung rằng nhà vệ sinh vào thời đó rất thô sơ và không hợp vệ sinh. Trong hoàn cảnh nào mà cha đã chọn loại hình phục vụ này? Đối với chúng ta, người Việt Nam, khi nhận được bất kỳ một chức danh nào hoặc đạt đến một vị trí cao hơn, chúng ta cảm thấy mình vượt trội hơn những người khác và bỏ qua những công việc mà chúng ta thấy không xứng đáng với cấp bậc đó. Nếu chúng ta hành động theo cách này, chúng ta đang trốn tránh nhiệm vụ đồng hành của mình. Sẽ không còn sự hiểu biết, lòng trắc ẩn, vì chúng ta đặt mình lên trên các anh em và

ngoài sự cam kết. Những đánh giá của chúng ta sẽ không phù hợp và sai lầm. Cha Biển Đức Thuận đã đồng hành cùng các anh em và cộng đoàn trong tất cả những gì khiêm tốn và đơn giản. gương tốt hơn mọi bài học trên lớp.

D. TIN TƯỞNG VÀO LỜI CẦU NGUYỆN BÌNH AN

Còn một điều nữa mà tôi khám phá ở Cha Biển Đức Thuận, đó là niềm tin vững chắc của ngài vào Thiên Chúa khi ngài không thể hoàn thành một công việc nào đó cho cộng đoàn. Trong việc đồng hành cùng cộng đoàn, điều khiến ngài phải trải qua nhiều thử thách nhất là việc các tu sĩ rơi vào tình trạng buồn bã. Nhiều lần, ngài đã bày tỏ trạng thái tâm hồn này trong các bức thư của mình. Nhưng đồng thời, ngài nhận ra rằng nỗi buồn này chỉ là một hiện tượng phụ. Ngài muốn các tu sĩ sống trong niềm vui, một niềm vui lớn lên từng ngày, và rằng đời sống tu viện, với những đòi hỏi của nó, không cho phép tìm kiếm những niềm vui phù du và một cuộc sống dễ dãi. Ngài nhấn mạnh rằng tu sĩ phải giết chết con người cũ mỗi ngày và rằng các tu sĩ phải giúp đỡ lẫn nhau để làm điều đó. Ngài hướng cộng đoàn đến sự hạnh phúc của Chúa, chứ không phải đến những đam mê xác thịt.

Khi đồng hành với cộng đoàn, ngài khám phá ra những khía cạnh tiêu cực ở các anh em, nhưng ngài không lên án họ một cách tàn nhẫn. Ngài cho họ thấy một cách thẳng thắn và yêu thương. Ngài chờ đợi thiện chí của họ và thời gian cho một sự hoán cải thực sự.

Tại sao ngài tin vào thiện chí của họ và chờ đợi thời gian của họ? Bởi vì ngài tin tưởng bình an giao phó các anh em và cộng đoàn của mình cho lòng thương xót của Thiên Chúa. Trong các huấn dụ thiêng liêng, ngài thường nói về sự khiêm tốn và bình an. Phải chăng ngài đã hướng cái nhìn của mình vào Chúa và công việc của Ngài hơn là vào các hoạt động và kết quả của mình? Nhiều lần, ngài khẳng định rằng nếu nền tảng được hình thành, đó là nhờ Chúa và nếu có thất bại, đó là do ngài. Ngài nhận thức được trách nhiệm của mình. Trong một nền văn hóa Việt Nam nơi người ta thể hiện cái tốt và che giấu cái xấu, phản ứng của Cha Biển Đức Thuận trở thành một câu hỏi đối với chúng ta: cần phải đối mặt với sự thật, để có thể hoán cải, làm lại.

4. VƯỢT QUA SỰ ĐỒNG HÀNH

Đồng hành là công việc của Chúa Thánh Thần. Chính Ngài đã soi sáng cho cả người đồng hành lẫn người được đồng hành. Tôi không dừng lại ở vấn đề này, vì, bằng cách này hay cách khác, những người tham gia đã đề cập đến nó. Tôi muốn bày tỏ rằng sự đồng hành đóng một vai trò quan trọng và rất hữu ích, nhưng, đến một lúc nào đó, người đồng hành phải nhường chỗ, im lặng, để Chúa Thánh Thần lên tiếng và hướng dẫn người được đồng hành và cộng đoàn.

Tôi muốn đề cập vấn đề này trong trường hợp của Cha Biển Đức Thuận.

A. RA ĐI TRONG BÌNH AN

Trong khi sống với cộng đoàn vừa mới thành lập, Cha Biển Đức Thuận lo toan mọi việc. Ngài đồng hành cùng các tu sĩ trong mọi hoạt động của cộng đoàn, ngay cả trong trạng thái tâm hồn của họ. Ngài biết họ buồn hay vui như thế nào và vì điều gì. Ngài hiểu sâu thẳm tâm lòng của họ. Trong một lá thư viết ngày 15 tháng 7 năm 1934 gửi cho Viện phụ Đức Bà Ân Sùng, Cha Willibrord đã khẳng định lời của Cha Giáo Tập, Cha Anselmô Lê Hữu Từ: "Cha Cố của chúng tôi đã nhận thức rất rõ điều này, bởi vì đây chính xác là một điểm mà Người Cha Quá Cố của chúng tôi đã sắp xếp, và Cha Tổ Phụ của chúng tôi, bạn biết đấy, ôi, ngài là một ánh sáng! ôi, ngài là một người thánh của Thiên Chúa! và ngài đã hiểu chúng tôi ngay lập tức!"

Và trong cùng lá thư đó, Cha Willibrord sau đó viết:

"Vị linh mục tốt bụng trên không thể nói tốt hơn về Cha Tổ Phụ của họ... họ là người An Nam, tôi là người ngoại quốc, thậm chí là người thuộc chủng tộc khác; rồi Cha Tổ Phụ của

họ, vị sáng lập đáng kính của họ đã làm điều đó; và tôi là gì so với ngài: một tiểu tập sinh nhỏ bé đến từ một đất nước nơi con người ăn thịt lẫn nhau. Cha của họ đã sống bao nhiêu năm giữa họ, ngài hiểu họ, ngài nhìn thấy tận đáy lòng họ, còn tôi thậm chí còn chưa biết ngôn ngữ của họ..."

Nhưng đồng thời, Cha Biển Đức Thuận cũng nhận thức rằng đến một lúc nào đó, ngài sẽ phải nhường chỗ cho một người có trách nhiệm khác. Trong thâm tâm, ngài muốn các anh em Việt Nam sẽ lãnh đạo các anh em Việt Nam. Trong các bức thư gửi cho bề trên của tu viện La-Pierre-Qui-Vire để đáp lại yêu cầu về các lời khuyên cho việc thành lập một đan viện Biển Đức sắp tới tại Việt Nam, Cha Biển Đức Thuận đã đưa ra một gợi ý rằng không nên gửi một số lượng lớn các tu sĩ nước ngoài, mà chỉ hai hoặc ba người tối đa. Những anh em này phải là những người nhiệt thành và sốt sắng. Và ngài khẳng định rằng trong tu viện Phước Sơn, không có quá hai người nước ngoài. Phải chăng qua đó, điều quan trọng là để các anh em đồng hành cùng nhau trong cùng một nền văn hóa, để theo Chúa Kitô trong ơn gọi tu viện. Trong di chúc cuối cùng, Cha Biển Đức Thuận đã nói về sự ra đi của mình trong bình an. Phải chăng điều đó có nghĩa là người đồng hành sẽ phải rút lui, nhường chỗ cho người khác, đặc biệt là cho Chúa Thánh Thần và công việc của Ngài?

B. ANH EM CÙNG ĐỒNG HÀNH VỚI NHAU

Và đây là một định hướng của sự đồng hành: các anh em cùng nhau bước đi. Khi Cha Biển Đức Thuận thành lập tu viện đầu tiên cho người Việt Nam, ngài muốn cộng đoàn được đặt lên hàng đầu. Trong các hướng dẫn thiêng liêng của mình, ngài nhấn mạnh rất nhiều về việc cùng nhau bước đi. Chính trong cộng đoàn mà sự đồng hành thiêng liêng được thực hiện và mang lại hoa trái. Sự đồng hành thiêng liêng luôn mang một chiều kích cộng đoàn. Những người trẻ gõ cửa tu viện cũng như những người lớn tuổi đã sống lâu trong ơn gọi tu viện, tất cả đều chia sẻ cùng một lối sống, cùng các hoạt động, và thậm chí cả những cảm xúc... Tất cả những điều này trở thành nền tảng của một sự đồng hành tốt đẹp.

Khi Cha Biển Đức Thuận chọn nhường chỗ, ngài nhấn mạnh sự trưởng thành của một cộng đoàn mà các thành viên được nuôi dưỡng bởi cùng một nền văn hóa với những cảm nhận chung. Xong việc đó, ngài ra đi trong bình an. Nhưng, hơn thế nữa, ngài đã khám phá ra một ánh sáng có khả năng soi sáng con đường của mỗi người và của toàn thể cộng đoàn.

C. Ý CHÚA: MỘT ÁNH SÁNG

Toàn bộ cuộc đời của Cha Biển Đức Thuận hướng về sự vâng phục ý Chúa. Từ "Thuận" thể hiện ý tưởng này. Ý Chúa vẫn là ánh sáng lớn nhất để các anh em cùng nhau bước đi mà không lạc hướng, và hơn nữa, để phát triển trong ơn gọi đan viện. Thật vậy, trong sự đồng hành, cả người đồng hành lẫn người được đồng hành, cả hai đều phải tìm kiếm ý Chúa, chứ không phải ý muốn áp đặt của con người. Tất cả các thành viên của cộng đoàn đều cảm thấy có nghĩa vụ thực hiện một quá trình để tìm ra ý Chúa và thực hành nó. Đó là một trong những mục đích chính của việc theo Chúa Kitô.

Đây cũng là một quá trình phân định trong các tình huống cụ thể. Điều này sẽ dễ dàng hơn nếu các thành viên của cộng đoàn có chung một sự nhạy cảm, được hướng dẫn bởi cùng một nền văn hóa.

Tuy nhiên, sự đồng hành, mang một chiều kích cộng đoàn, phải được thực hiện trong một môi trường sống, thiêng liêng, không chỉ trong một không gian địa lý.

D. TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA LUẬT DÒNG

Môi trường sống mà Cha Biển Đức Thuận đặt lên hàng đầu là Luật sống. Đó là Luật Thánh Biển Đức, Hiến pháp và các quy định của cộng đoàn. Ngài không ngừng nhắc lại: muốn trở nên thánh thiện, phải tuân giữ Luật dòng. Ngài sẽ lặp lại một lần nữa với giọng điệu trang trọng trong di chúc cuối cùng của mình.

Nhưng Luật sống này phải được nhập thể vào một nền văn hóa riêng. Đó là những người sống trong một nền văn hóa đặc biệt, với những cảm nhận riêng của họ, hiểu và áp dụng nó vào một cuộc sống cụ thể.

Khi Cha Biển Đức Thuận nhường chỗ, ngài biết cách trao cho cộng đoàn một định hướng, một môi trường sống trong đó các huynh đệ cùng nhau bước đi và đạt được mục đích của sự đồng hành chung của những người sống trong cùng một nền văn hóa.

KẾT LUẬN

VIỆC THÀNH LẬP TU VIỆN ĐỨC BÀ AN NAM (PHƯỚC SƠN)

Để kết thúc bài trình bày của tôi, tôi xin phép quay lại với việc thành lập tu viện mà vị sáng lập của chúng ta đã đầu tư rất nhiều nỗ lực để để lại.

Chúng ta đã nhiều lần đề cập đến vấn đề thích nghi như một trong những điểm độc đáo của việc thành lập này. Vào thời mà các mô hình châu Âu chiếm độc quyền trong mọi lĩnh vực, ngay cả trong đời sống tu viện, Cha Biển Đức Thuận đã chọn một tu viện bắt nguồn từ văn hóa, văn minh và tâm lý địa phương. Đó là sự nhập thể các giá trị trong truyền thống tu viện của Giáo hội và sự nhập thể truyền thống tu viện vào các thực hành địa phương. Đó là một loại sự giao thoa của các giá trị. Tuy nhiên, sự nhập thể này là hoa trái của nhiều năm Cha Biển Đức Thuận đã thực hiện sứ vụ của mình ngay trong lòng dân tộc Việt Nam. Hơn nữa, vì ngài không nhận được bất kỳ sự đào tạo tu viện nào, nên nền tảng của ngài mang rõ nét đặc trưng Việt Nam, không chỉ trong các thực hành, mà còn trong cách suy nghĩ và diễn giải các kinh nghiệm tâm linh và huyền nhiệm.

Tuy nhiên, sự nhập thể không phải là chiều kích duy nhất thúc đẩy Cha Biển Đức Thuận khi ngài thành lập tu viện Kitô đầu tiên tại Việt Nam. Chiều kích mà chúng ta đang nghĩ đến là linh đạo. Đời sống tu viện được nhìn dưới một góc độ là một linh đạo, nghĩa là nó là một con đường để sống Tin Mừng. Sau mười lăm năm thực hiện nhiệm vụ truyền giáo, Cha Biển Đức Thuận đã mở ra một con đường mà qua đó các Kitô hữu Việt Nam có thể sống đạo Kitô một cách sâu sắc. Linh đạo này không được đánh dấu bằng những hiện tượng tâm linh phi thường như xuất thần, nhưng nó được ban tặng cho tất cả mọi người, ngay cả những "người nhà quê nghèo", tầng lớp mà ngài rất quan tâm. Điều này được diễn giải, theo ngôn ngữ của Công đồng Vatican II, sự thánh thiện được ban tặng cho tất cả: tất cả các Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh.

Rộng hơn nữa, linh đạo là một trong những thành phần quan trọng nhất trong nỗ lực gieo trồng Giáo hội tại Việt Nam vào thời Cha Biển Đức Thuận và cả cho ngày hôm nay. Thật vậy, từ lâu, những người Việt Nam không phải Kitô hữu đã coi Giáo hội như một xã hội được tổ chức tốt ở cấp độ quốc tế cũng như quốc gia, như một tổ chức từ thiện và giáo dục. Nghĩa là, các công việc được coi là hoạt động thiết yếu của Giáo hội. Bằng cách truyền cảm hứng cho chiều kích huyền nhiệm vào đời sống Kitô giáo thông qua đời sống của các tu sĩ, Cha Biển Đức Thuận muốn mang đến điều cốt yếu mà Giáo hội tại Việt Nam được xây dựng trên đó. Linh đạo, không chỉ là một vấn đề cá nhân, do đó mang chiều kích Giáo hội. Nhờ linh đạo tu viện – một con đường để sống Tin Mừng – việc thành lập Xitô Phước Sơn, một cách kín đáo nhưng hiệu quả, có thể đóng góp phần mình vào đời sống của các Kitô hữu Việt Nam. Chúng ta nghĩ rằng đây là một trong những viễn cảnh mà Đấng sáng lập của chúng ta đã hướng tới. Chúng ta đã nói về hai cách xây dựng Giáo hội tại Việt Nam: nhập thể và linh đạo. Cả hai đều giao thoa và phụ thuộc lẫn nhau. Đối thoại cho phép thực hiện nhiệm vụ kép này: đối thoại với các nền văn hóa và đối thoại với các tôn giáo.

Vào thời Cha Biển Đức Thuận, thuật ngữ "hội nhập văn hóa" chưa xuất hiện. Người ta sử dụng từ "thích nghi". Đó là một nỗ lực để nhập thể đời sống và sứ điệp Kitô giáo vào nền văn hóa được đề cập. Đối với "thích nghi" do Cha Biển Đức Thuận thực hiện trong việc thành lập tu viện của mình, nhiệm vụ này không chỉ giới hạn ở những biểu hiện bên ngoài như y phục hay thức ăn như hầu hết những người cùng thời với ngài nghĩ, mà nó chạm đến tận tâm can

của tâm lý người Việt Nam. Tức là, cha đã đi vào lớp sâu nhất của cấu trúc con người của dân tộc này: thế giới tôn giáo.

Tôn giáo không tách rời khỏi văn hóa. Nói cách khác, không có văn hóa nào là trung tính, nó mang trong mình một chiều kích tôn giáo nhất định. Mặc dù vào thời Cha Biển Đức Thuận, đối thoại liên tôn chưa được đặt ra, nhưng đã có một số nỗ lực trong lĩnh vực này thông qua đối thoại với văn hóa. Chúng ta đã trích dẫn rất nhiều Cha Léopold Cadière. Nghiên cứu của ngài về những cảm xúc tôn giáo đã tạo thành một phần trong nhiệm vụ truyền giáo của ngài và kết quả khảo sát của ngài đã giúp ích rất nhiều cho các nhà truyền giáo trong sứ vụ của họ. Cha Biển Đức Thuận, mặc dù không phải là một học giả trong lĩnh vực này, nhưng sự hiểu biết của ngài về văn hóa và tâm lý người Việt Nam đã cho phép ngài dệt nên một cuộc đối thoại nhất định. Việc thành lập tu viện Kitô giáo tại Việt Nam có thể được coi là bước đầu tiên hướng tới một cuộc đối thoại sâu sắc và rộng lớn hơn.

Tất cả những điều này khiến chúng ta nhận ra rằng Cha Biển Đức Thuận, một cách nào đó, đã gieo những hạt giống đầu tiên trên mảnh đất Việt Nam, để chúng ta, những hậu duệ của ngài, trung thành gìn giữ tinh thần của ngài và đồng thời có đủ can đảm để sáng tạo những sáng kiến cho thời đại của chúng ta và những con người ngày nay.